

Bản án số: 08/2022/HS-ST
Ngày 31-3-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Q;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức P và bà Nguyễn Thị Q.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Thư ký.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Đức H - Kiểm sát viên.

Ngày 31/3/2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh H mở phiên tòa công khai xét xử vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2022/TLST-HS ngày 25/01/2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXXST-HS, ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2022/QĐHPT ngày 02/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ngô Văn S**, sinh năm 1989; nơi sinh và nơi cư trú: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Ngô Văn S, sinh năm 1963 và con bà Quách Thị M, sinh năm 1963; bị cáo có vợ là Lưu Thị V, sinh năm 1996; bị cáo có 02 con: con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án: Không; tiền sự: Ngày 20/7/2021 Công an huyện P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 1,5 triệu đồng) về hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo chưa chấp hành nộp phạt; nhân thân: Ngày 11/4/2013 TAND huyện P xử phạt 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Chống người thi hành công vụ; ngày 08/6/2015 Công an huyện P ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền 3 triệu đồng) về hành vi Trộm cắp tài sản; ngày 24/9/2019 bị Tòa án nhân dân huyện P quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 02/12/2021, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Anh Phạm Văn H, sinh năm 1989; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H;

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

+ Anh Vũ Văn H, sinh năm 1976; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh H;

+ Anh Trần Văn T, sinh năm 1966; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện K, tỉnh H;

+ Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1990; “vắng mặt”

Địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện P, tỉnh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Rạng sáng ngày 12/10/2021, Ngô Văn S, sinh năm 1989, trú tại thôn V, xã Q, huyện P, tỉnh H, là đối tượng nghiện ma túy, từ nhà ở của mình đi bộ trên đường thôn mục đích thấy nhà ai sơ hở thì sẽ trộm cắp tài sản để lấy tiền tiêu sài và mua ma túy. Khi đi qua nhà bà Phạm Thị C, sinh năm 1934 ở cùng thôn, S thấy cổng nhà bà C mở nên đã đi vào trong khu vực sân nhà bà C. Tại đây, S phát hiện 01 xe lôi được phủ bên ngoài 01 chiếc bạt đã cũ (không rõ đặc điểm, kích thước, chủng loại). Kiểm tra trên xe có 02 quạt công nghiệp, 01 xe rửa, 08 chiếc cầu nhiều loại khác nhau bằng kẽm. Các đồ vật trên là tài sản của anh Phạm Văn H, sinh năm 1989, gửi nhờ tại sân nhà bà Phạm Thị C. Anh H là cháu nội bà C và cùng trú tại thôn V, xã Q. Sau đó, S đi bộ kéo xe lôi chở theo các tài sản trên đến khu vực chùa thôn V. Lúc này, S gọi điện thoại cho bạn là Hoàng Văn T, sinh năm 1990 trú tại thôn T, xã M, huyện P, tỉnh H để nhờ T xuống khu vực chùa thôn V kéo hộ ít đồ (do S không có P tiện đi lại), nhưng S không nói rõ cho T biết là đồ vật, tài sản gì. Do T đang ngủ nên T không đồng ý. Sau đó, S nhiều lần gọi điện thoại cho T nhưng T không nghe máy. Đến khoảng 04 giờ 00 phút cùng ngày, S tiếp tục gọi điện thoại cho T, T nghe điện thoại của S và đồng ý xuống khu vực chùa thôn V để kéo hộ S ít đồ (lúc này T vẫn chưa biết là S nhờ kéo đồ vật, tài sản gì). Đến khoảng 04 giờ 30 phút, T điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Suzuki viva, biển số 34K7-8694 đi đến chùa thôn V gặp S. Tại đây, T mới chỉ nhìn thấy chiếc xe lôi có bạt phủ ở trên chứ không nhìn thấy và biết có những đồ vật gì để trên xe, T liền hỏi S về nguồn gốc đồ vật S mang theo từ đâu mà có thì S trả lời với T là “đồ vật của S, không liên quan gì đến trộm cắp, bạn không phải lo”. T đồng ý chở S đi bán những đồ vật nêu trên và không trao đổi, bàn bạc gì thêm với S. T là người điều khiển xe, S ngồi sau kéo theo xe lôi. S nói với T đi trên đường tìm quán thu mua phế liệu để rẽ vào bán những đồ vật nêu trên. T chở S đi đến quán thu mua phế liệu của anh Vũ Văn H (tên gọi khác: K), sinh năm 1976 trú tại thôn T, xã M, huyện P. Khi đến nơi, T để S ở lại tự trao đổi mua bán, còn T đi về nhà. S kéo xe lôi chở theo các đồ vật S đã trộm cắp được nêu trên vào trong quán và hỏi bán cho anh H. Anh H đồng ý nhưng chỉ thu mua 02 chiếc quạt công nghiệp của S. Khi mua quạt, anh H hỏi S về nguồn gốc số đồ vật S đem bán thì S có nói là đồ ở dưới xã Q. Do anh H biết S là người dân ở xã Q nên khi S nói vậy thì anh H nghĩ S mang đồ từ nhà S đi bán nên đã đồng ý mua, anh H và S không trao đổi gì thêm. Anh H trả cho S số tiền 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), số đồ vật còn lại anh H không thu mua.

Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, S tiếp tục gọi điện thoại cho T nhờ T chở S đi bán những đồ vật còn lại do anh H không thu mua hết. T đồng ý và đi xe mô tô nêu trên ra quán thu mua phế liệu của anh H đón S. Trước khi đi, S đẩy chiếc xe rùa nêu trên về để nhờ ở vườn cây nhà T cho đỡ công kèn. Sau đó, T điều khiển xe mô tô chở S kéo theo xe lôi, trên xe có 08 chiếc cầu kềm đi đến quán thu mua phế liệu của anh Trần Văn T, sinh năm 1966 trú tại thôn V, xã V, huyện K, tỉnh H. Quá trình đi từ quán thu mua phế liệu của anh H đi bán các đồ vật nêu trên S và T không rõ chiếc bạt phủ trên xe lôi bị rơi mất từ khi nào. S là người trực tiếp kéo xe lôi vào trao đổi mua bán với anh T còn T ở bên ngoài. S và anh T thỏa thuận mua 01 xe lôi của S với giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), 08 chiếc cầu nhiều loại khác nhau bằng kềm với giá 2.200.000 đồng (Hai triệu hai trăm nghìn đồng). Tổng số tiền anh T trả cho S là 2.700.000 đồng (Hai triệu bảy trăm nghìn đồng). Sau khi bán các đồ vật trên xong, T chở S đi về, trên đường về S đã rơi mất chiếc điện thoại dùng để gọi cho T nêu trên, không rõ rơi mất ở vị trí nào. Khi về đến ngã tư Phổ Cao, thị trấn Trần Cao, huyện P, S xuống xe đưa cho T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) để T đổ xăng và uống nước còn S tự đi bộ về nhà. Số tiền còn lại có được do bán đồ trộm cắp, S dùng để đi mua ma túy và tiêu sài cá nhân hết.

Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Ngô Văn S, kết quả không phát hiện thu giữ đồ vật, tài sản gì.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki viva, BKS: 34K7-8694 đã qua sử dụng; 01 (một) xe rùa; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen (đã qua sử dụng); 01 (một) quạt công nghiệp hình tròn có đường kính 63,5 cm, có 04 cánh quạt, chiều cao của quạt là 109 cm, quạt được sơn màu sơn xanh, chân đế quạt hình tam giác và 01 (một) quạt công nghiệp hình tròn có đường kính 58 cm, có 03 cánh quạt, chiều cao của quạt là 83 cm, quạt được sơn màu sơn xanh, chân đế quạt hình tam giác; 01 (một) chiếc xe lôi hai bánh, kích thước xe dài 4 mét, rộng 0,8 mét, cao 0,7 mét, thành xe cao 0,35 mét, xe được làm bằng ống kềm loại phi 48 và phi 27; 06 (sáu) cầu bằng kềm kích thước 0,24 x 4 x 0,03 mét và 02 (hai) cầu bằng kềm kích thước 0,24 x 3 x 0,03 mét.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL-HĐĐG ngày 19/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 01 (một) chiếc xe lôi hai bánh, 08 (tám) cầu bằng kềm, 02 (hai) quạt công nghiệp, 01 (một) xe rùa có tổng trị giá: 6.170.000 đồng (Sáu triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng).

Đối với 01 (một) chiếc bạt mà anh H sử dụng để phủ trên xe lôi cơ quan điều tra không thu giữ được. Bản thân anh H, S và T đều xác định chiếc bạt đã cũ, rách nát, không rõ đặc điểm, kích thước, chủng loại. Cơ quan điều tra đã tiến hành định giá tài sản đối với chiếc bạt trên. Ngày 17 tháng 12 năm 2021, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự huyện P có công văn trả lời về việc không có cơ sở để định giá giá trị của tài sản nói trên.

Đối với 01 chiếc xe lôi hai bánh, 08 cầu bằng kềm, 02 quạt công nghiệp, 01 xe rùa, là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn H nên ngày 06/12/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã trả lại cho anh H.

Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki viva, biển số 34K7-8694. Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên không là vật chứng trong vụ án, vụ việc gì. Đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1950 trú tại số 956 L, phường H Tân, thành phố H, tỉnh H. Tiến hành làm việc, ông P cho biết chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe ông P đã cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 trú tại thôn N, xã M, huyện P, tỉnh H. Hiện anh T vắng mặt tại địa P, không rõ đi đâu, làm gì nên chưa tiến hành làm việc được. Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe nêu trên ra để tiếp tục điều tra xác minh làm rõ.

Đối với chiếc điện thoại mà S dùng liên lạc với T, S khai sau khi bán đồ trộm cắp ở K, trên đường về S bị rơi mất chiếc điện thoại, không rõ ở vị trí nào. Cơ quan điều tra đã tiến hành truy tìm nhưng không thu giữ được.

Đối với anh Hoàng Văn T, quá trình điều tra khai nhận việc được Ngô Văn S gọi điện thoại nhờ T xuống khu vực chùa thôn V, xã Q chở hộ S một số đồ vật đi bán. Tuy nhiên, T không biết nguồn gốc số đồ vật S nhờ T chở đi bán nêu trên là do việc trộm cắp trước đó mà có. Đồng thời bản thân S cũng không nói cho T biết về việc trộm cắp tài sản trước đó. Trong quá trình bán các đồ vật trên cho các quán thu mua phế liệu thì S là người trực tiếp trao đổi, mua bán, nội dung trao đổi ra sao T không nắm được. Do vậy, không có căn cứ để xử lý đối với hành vi của T.

Đối với anh Vũ Văn H và anh Trần Văn T, khi mua những đồ vật S đem bán nêu trên đều không biết đó là tài sản do Trộm cắp hay phạm tội khác mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với việc S mua ma túy để sử dụng, bản thân S khai không biết nhân thân lai lịch, cũng không nhớ đặc điểm cụ thể của người bán ma túy như thế nào. Sau khi mua ma túy, S đi đến một địa điểm mà hiện tại S không nhớ thuộc thôn xã nào ở thành phố H và sử dụng hết số ma túy. Cơ quan CSĐT Công an huyện P tách ra tiếp tục điều tra xác minh xử lý sau.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Phạm Văn H đã nhận lại những tài sản bị trộm cắp nên không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Đối với số tiền của các anh Vũ Văn H và Trần Văn T bỏ ra để mua những tài sản là đồ vật S trộm cắp mà có, anh H và anh T không yêu cầu S pH bồi thường.

Quá trình Điều tra Ngô Văn S đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số: 04/CT - VKSPC, ngày 24/01/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P đã truy tố bị cáo Ngô Văn S về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay:

Bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự tuyên

bộ bị cáo Ngô Văn S phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Xử phạt bị cáo tù 01 (một) năm 03 (ba) tháng đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tính từ ngày tạm giam 02/12/2021. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh H, anh S không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự gì thêm nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Đối với số tiền 3.700.000 đồng do S bán tài sản trộm cắp được cho anh H, anh T mà có, bị cáo đã cho anh T 300.000 đồng, anh T đã tiêu sài cá nhân hết, số tiền 3.400.000 đồng còn lại bị cáo cũng tiêu sài cá nhân hết. Đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần truy thu của bị cáo S và của anh T để sung quỹ nhà nước. Vật chứng của vụ án: Đối với 01 chiếc xe lôi hai bánh, 08 cầu bằng kẽm, 02 quạt công nghiệp, 01 xe rửa, là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn H, ngày 06/12/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã trả lại cho H nên không đặt ra xem xét, giải quyết; Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim điện thoại mạng Viettel, mặt sau sim có dãy số 8984048000313154071 là tài sản hợp pháp của anh Hoàng Văn T nên trả lại cho anh T; Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki viva, biển số 34K7-8694. Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên không là vật chứng trong vụ án, vụ việc gì. Đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1950, trú tại số 956 L, phường H Tân, thành phố H D, tỉnh H D. Tiến hành làm việc, ông P cho biết chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe ông P đã cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã M, huyện P, tỉnh H. Hiện anh T vắng mặt tại địa P, không rõ đi đâu, làm gì nên chưa tiến hành làm việc được. Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe nêu trên ra để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ và xử lý sau.

Bị cáo nhất trí với quan điểm đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, không ai có ý kiến tranh luận gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thức hành vi phạm tội của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để bị cáo cải tạo tốt, sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng trong Điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, Kiểm sát viên trong quá trình Điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình Điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về phân tích những chứng cứ xác định có tội:

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay hoàn toàn phù hợp khách quan với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan Điều tra đã thu thập được như: Đơn trình báo, biên bản ghi lời khai của người bị hại; bản tường trình, biên bản ghi lời khai, biên bản hỏi cung bị can Ngô Văn S; biên bản ghi lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Vũ Văn H, anh Trần Văn T, anh Hoàng Văn T; Sơ đồ hiện trường, biên bản xác định hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu, bản ảnh vật chứng; kết luận định giá tài sản; cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa, đã có đủ cơ sở kết luận: Rạng sáng ngày 12/10/2021, Ngô Văn S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe ô tô hai bánh; 08 cầu bằng kẽm; 02 quạt công nghiệp hình tròn; 01 xe rửa; 01 chiếc bát đĩa cũ của anh Phạm Văn H. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là: 6.170.000 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Ngô Văn S về tội danh “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân trong việc bảo vệ tài sản. Bị cáo là người có nhân thân xấu, là đối tượng nghiện ma túy, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi trộm cắp tài sản Công an huyện P ra quyết định xử phạt hành chính bằng hình thức phạt tiền ngày 20/7/2021. Trong vụ án này không có đồng phạm, việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chỉ do một mình bị cáo S thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, bị cáo là người đã trưởng thành, có sức khỏe và có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi, để có tiền tiêu sài và thỏa mãn nhu cầu cá nhân của bị cáo là sử dụng ma túy đã bất chấp kỷ cương pháp luật để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên bị cáo PH hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với hành vi mà bị cáo gây ra. Tòa án nhân dân huyện P đưa bị cáo ra xét xử về tội trộm cắp tài sản và áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian tương xứng với mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là cần thiết, nhằm răn đe, giáo dục riêng bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không PH chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. HĐXX sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Đối với anh Hoàng Văn T được Ngô Văn S gọi điện thoại nhờ chở hộ S ít đồ vật đi bán. T không biết nguồn gốc số đồ vật S nhờ chở đi bán là do việc trộm cắp trước đó mà có. Bản thân S cũng không nói cho T biết về việc trộm cắp tài sản trước đó. Trong quá trình bán các đồ vật trên cho các quán thu mua phế liệu thì S là người trực tiếp trao đổi, mua bán, nội dung trao đổi ra sao T không nắm được. Nên không có căn cứ để xử lý đối với hành vi của Hoàng Văn T.

Đối với anh Vũ Văn H và anh Trần Văn T, khi mua những đồ vật S đem bán nêu trên đều không biết đó là tài sản do Trộm cắp hay phạm tội khác mà có nên không có căn cứ xử lý.

Đối với việc S mua ma túy để sử dụng, bản thân S khai không biết nhân thân lai lịch, cũng không nhớ đặc điểm cụ thể của người bán ma túy như thế nào. Sau khi mua ma túy, S đi đến một địa điểm mà hiện tại S không nhớ thuộc thôn xã nào ở thành phố H và sử dụng hết số ma túy nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù tách ra tiếp tục điều tra, xác minh, xử lý sau.

[3] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập và không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại anh Phạm Văn H; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Văn H, anh Trần Văn T không yêu cầu bị cáo S bồi thường gì về trách nhiệm dân sự nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 3.700.000 đồng là số tiền có được do bị cáo S phạm tội mà có, bị cáo S cho anh T 300.000 đồng, anh T đã tiêu sài cá nhân hết; số tiền còn lại 3.400.000 đồng bị cáo S cũng đã tiêu sài cá nhân hết nên cần truy thu của bị cáo S 3.400.000 đồng và truy thu của anh T số tiền 300.000 đồng để sung quỹ nhà nước.

[5] Các biện pháp tư pháp.

- Vật chứng của vụ án:

+ Đối với 01 chiếc xe lôi hai bánh, 08 cầu bằng kẽm, 02 quạt công nghiệp, 01 xe rửa, là tài sản hợp pháp của anh Phạm Văn H, ngày 06/12/2021 Cơ quan CSĐT Công an huyện P đã trả lại cho H là đúng với quy định của pháp luật.

+ Đối với 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim điện thoại mạng Viettel, mặt sau sim có dãy số 8984048000313154071 là tài sản hợp pháp của anh Hoàng Văn T không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho chủ sở hữu là anh T.

+ Đối với 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Suzuki viva, biển số 34K7-8694. Qua xác minh, chiếc xe mô tô trên không là vật chứng trong vụ án, vụ việc gì. Đăng ký xe mang tên Nguyễn Văn P, sinh năm 1950, trú tại số 956 L, phường H, thành phố H, tỉnh H. Tiên hành làm việc, ông P cho biết chiếc xe mô tô trên cùng giấy tờ xe ông P đã cho anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991, trú tại thôn N, xã M, huyện P, tỉnh H. Hiện anh T vắng mặt tại địa P, không rõ đi đâu, làm gì nên chưa tiến

hành làm việc được. Cơ quan điều tra đã tách chiếc xe nêu trên ra để tiếp tục điều tra xác minh, làm rõ, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

[6]Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 của Bộ luật Hình sự. Điều 106, Khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Ngô Văn S phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn S 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 02/12/2021.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Các biện pháp tư pháp:

- Truy thu của bị cáo Ngô Văn S số tiền 3.400.000 đồng (ba triệu bốn trăm nghìn đồng) và của anh Hoàng Văn T số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách nhà nước.

- *Về xử lý vật chứng:* Trả lại anh Hoàng Văn T 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu OPPO, màu đen đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 sim điện thoại mạng Viettel, mặt sau sim có dãy số 8984048000313154071.

(Tình trạng, số lượng, đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26 tháng 01 năm 2022 giữa Công an huyện P và Chi cục Thi hành án dân sự huyện P)

- *Về án phí:* Bị cáo Ngô Văn S pH chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- *Quyền kháng cáo:* Án xử sơ thẩm công khai có mặt bị cáo; vắng mặt bị hại; vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Vũ Văn H, anh Trần Văn T, anh Hoàng Văn T. Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Q